

Thứ năm, ngày 23 tháng 11 năm 2023

## Vietnam Daily Review

### VN-Index giảm mạnh 25 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 24/11/2023		●	
Tuần 20/11-24/11/2023		●	
Tháng 11/2023		●	

#### Nhận định:

**Thị trường cơ sở:** VN-Index bật tăng ngay từ khi mới mở cửa, tuy nhiên lực bán tại ngưỡng kháng cự 1,120 ép chỉ số xuống giằng co tại ngưỡng 1,115. Đà giằng co tiếp diễn trong phiên chiều. Đến gần cuối phiên, lực bán tháo đột nhiên tăng mạnh và đẩy chỉ số xuống đóng cửa tại mốc 1,088.49, giảm hơn 25 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 18/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bán lẻ dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Dịch vụ tài chính, Tài nguyên cơ bản. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Trong những phiên tới, thị trường có thể tiếp tục quán tính giảm xuống ngưỡng hỗ trợ 1,080. Nếu dòng tiền bắt đáy tại đây yếu, VN-Index có thể tiếp tục giảm xuống ngưỡng 1,025.

**Hợp đồng tương lai:** Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

**Chứng quyền:** Trong phiên giao dịch ngày 23/11/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

#### Điểm nhấn:

- VN-Index **-25.33** điểm, đóng cửa **1088.49** điểm. HNX-Index **-5.95** điểm, đóng cửa **224.54** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **LGC (+0.19)**, **HVN (+0.11)**, **HAG (+0.11)**, **SAM (+0.05)**, **ACG (+0.03)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HPG (-1.88)**, **VCB (-1.67)**, **GAS (-1.13)**, **VPB (-0.98)**, **SAB (-0.96)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,158** tỷ đồng, tăng **10.39%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **20,638** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **30.3** điểm. Thị trường có **109** mã tăng, **79** mã tham chiếu, **397** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-442.67** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-118.58 tỷ)**, **FUESSVFL (-91.54 tỷ)**, **VPB (-69.29 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **7.1** tỷ đồng.

#### Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **-2.92%**.
- BSC50 **-3.46%**. Các mã diễn biến tích cực: **GEG (+1.89%)**.

#### Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.43%	Công nghệ Thông	-2.24%
Bảo hiểm	-0.73%	Truyền thông	-2.59%
Y tế	-0.76%	Xây dựng và Vật liệu	-3.48%
Ô tô và phụ tùng	-0.93%	Hóa chất	-3.49%
Du lịch và Giải trí	-1.47%	Tài nguyên Cơ bản	-4.59%
Ngân hàng	-1.71%	Dịch vụ tài chính	-5.20%
Hàng & Dịch vụ Công	-1.73%	Bán lẻ	-5.22%
Dầu khí	-1.80%	VN30	-2.44%
Thực phẩm và đồ uống	-1.88%	VNSML	-2.45%
Điện, nước & xăng dầu khí	-1.97%	VNMID	-3.60%
Bất động sản	-2.12%		

#### BSC RESEARCH

##### Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

##### Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

**VN-INDEX** **1088.49**  
Giá trị: 19158.21 tỷ **-25.33 (-2.27%)**  
Khối ngoại (ròng): -442.67 tỷ

**HNX-INDEX** **224.54**  
Giá trị: 2662.69 tỷ **-5.95 (-2.58%)**  
Khối ngoại (ròng): 7.1 tỷ

**UPCOM-INDEX** **84.77**  
Giá trị: 644.39 tỷ **-1.09 (-1.27%)**  
Khối ngoại (ròng): -33.12 tỷ

#### Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	81.5	-1.13%
Giá vàng	1,990	-0.44%
Tỷ giá USD/VND	24,240	0.10%
Tỷ giá EUR/VND	26,432	0.25%
Tỷ giá JPY/VND	162.52	0.31%
LS liên NH 1 tháng	1.60%	0.26%
LS TPCP 5 năm	2.04%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

#### Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VND	80.76	VHM	-118.58
DGC	73.89	FUESSVFL	-91.54
GMD	23.24	VPB	-69.29
PVD	21.31	VRE	-54.78
OCB	15.46	BCM	-45.76

Nguồn: BSC Research

#### Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

## Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 23/11/2023

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	76.70	-1.38%	-0.12%	-9.15%	-1.76%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	81.52	-1.13%	0.42%	-8.08%	-4.01%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.23	-0.20%	1.25%	-3.56%	-6.10%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.90	2.00%	-9.00%	-11.31%	-61.22%		
TTF Gas	EUR/MWh	44.62	1.25%	-5.15%	-12.99%	-65.58%		
Vàng	Ounce	1,989.63	-0.44%	1.56%	0.86%	13.74%		PNJ
Bạc	Ounce	23.63	-0.44%	0.85%	2.81%	9.81%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,356.25	-1.52%	-2.08%	5.40%	-5.55%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	17.13	0.06%	0.18%	1.60%	-18.58%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	145.70	-1.15%	-2.15%	0.21%	14.63%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	27.22	-1.91%	0.26%	-0.95%	39.23%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Ure	USD/T	387.00	0.00%	-1.40%	-6.52%	-34.41%		DPM, DCM
Niken	LB	16,755.00	0.00%	-2.50%	-6.64%	-35.94%		PC1
Đồng	LB	3.77	-1.00%	1.50%	5.57%	4.20%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,280.00	2.70%	7.04%	-14.29%	-13.64%		CSV
Thép	CNY/ton	3,986.00	-0.82%	1.68%	10.94%	8.43%		HPG
Nhôm	Ton	2,227.00	-1.39%	-0.25%	2.34%	-7.09%	CAV, SAM, TGP, VTH	

## Thông tin nổi bật

### Giá dầu

- Giá dầu Brent kết thúc phiên giảm 1.13% xuống 81.52 USD/thùng, sau khi có thời điểm giảm hơn 4% xuống mức thấp 78.41 USD. Dầu thô trung cấp Tây Texas Mỹ giảm 1.38% ở mức 76.70 USD, sau khi có lúc trong phiên giảm hơn 5% xuống mức thấp nhất là 73.79 USD.
- Giá dầu lao dốc sau một tuyên bố ngắn gọn từ OPEC+, cho biết các cuộc họp của tổ chức này đã được dời lại sang ngày 30/11/2023 so với lịch trước đây là 26/11. Thực tế, giá dầu đã bắt đầu giảm sau khi Bloomberg hé lộ thông tin rằng cuộc họp kể trên có thể bị hoãn.

### Giá vàng

- Vàng giao ngay kết thúc phiên giảm 0.44% xuống 1,989.63 USD/ounce, mức giảm hàng ngày lớn nhất kể từ ngày 10 tháng 11. Giá vàng kỳ hạn tháng 12 giảm 0.4% xuống 1,991.30 USD.
- Giá vàng giảm xuống dưới mức quan trọng 2,000 USD/ounce vào thứ Tư khi đồng đô la Mỹ phục hồi từ mức thấp và lãi suất trái phiếu Kho bạc cũng hồi phục, trong khi kỳ vọng rằng Cục Dự trữ Liên bang sẽ tạm dừng tăng lãi suất đã hạn chế đà trượt giá của vàng thời.

### Quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 1 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên (DCE) của Trung Quốc kết thúc phiên tăng 1.53% lên 993.5 nhân dân tệ (137.77 USD) một tấn, cao nhất kể từ ngày 15 tháng 11.
- Giá quặng sắt kỳ hạn tương lai tăng phiên thứ ba liên tiếp do thị trường tiếp tục lạc quan về hỗ trợ bổ sung cho thị trường bất động sản Trung Quốc, mặc dù thị trường thép suy yếu đã hạn chế mức tăng trong phiên buổi sáng.

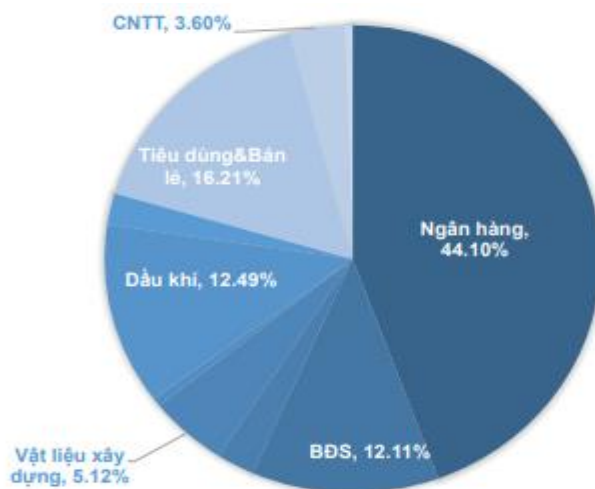
### Giá hàng hóa khác

- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 3 tăng 0.5 cent, tương đương 0.3%, lên 1.6905 USD/lb.
- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 4 trên sàn giao dịch Osaka (OSE) giảm 1 yên, tương đương 0.4%, xuống 260 yên (1.74 USD)/kg. Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 1 trên sàn giao dịch tương lai Thượng Hải (SHFE) giảm 355 nhân dân tệ, tương đương 2.5%, xuống 13,945 nhân dân tệ (1,933.82 USD)/tấn.

## Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo bảo
VCB	Ngân hàng	85.5	-1.4%	1.0	19,804	2.3	5,797	14.7	105,000	23.5%	<a href="#">Link</a>
BID	Ngân hàng	43.0	-1.4%	0.7	9,014	1.3	4,025	10.7	54,578	17.1%	<a href="#">Link</a>
VPB	Ngân hàng	19.2	-2.5%	1.0	6,296	8.4	1,727	11.1	23,685	16.6%	<a href="#">Link</a>
TCB	Ngân hàng	30.4	-1.8%	1.5	4,431	4.1	5,059	6.0	-	22.5%	<a href="#">Link</a>
MBB	Ngân hàng	17.9	-0.8%	1.3	3,868	5.2	3,496	5.1	24,400	23.2%	<a href="#">Link</a>
STB	Ngân hàng	28.2	-3.1%	0.9	2,203	19.4	3,600	7.8	31,200	24.4%	<a href="#">Link</a>
GVR	BDS KCN	19.3	-4.2%	1.6	3,199	2.2	714	27.0	19,100	0.5%	<a href="#">Link</a>
KBC	BDS KCN	30.4	-6.2%	1.6	967	11.7	4,368	7.0	42,500	20.3%	<a href="#">Link</a>
IDC	BDS KCN	47.8	-5.3%	1.4	654	6.5	3,969	12.0	45,900	11.1%	<a href="#">Link</a>
VGC	BDS KCN	50.8	-4.7%	1.7	944	2.9	2,651	19.2	-	4.8%	<a href="#">Link</a>
HPG	Vật liệu xây dựng	25.8	-5.0%	1.7	6,229	23.2	(328)	-78.8	23,300	26.4%	<a href="#">Link</a>
VHM	Bất động sản	39.0	0.0%	1.5	7,038	12.4	10,341	3.8	79,900	24.2%	<a href="#">Link</a>
VRE	BDS	22.6	-0.9%	1.3	2,128	5.0	1,588	14.2	38,900	32.1%	<a href="#">Link</a>
KDH	BDS	31.3	-3.1%	1.7	1,037	2.4	1,280	24.4	44,100	38.9%	<a href="#">Link</a>
NLG	BDS	35.5	-6.9%	1.3	565	8.0	1,582	22.4	46,100	41.4%	<a href="#">Link</a>
DGC	Hóa chất	92.9	-3.4%	1.5	1,462	10.0	10,728	8.7	85,000	13.5%	<a href="#">Link</a>
DPM	Phân bón	32.5	-3.1%	0.9	527	3.7	6,403	5.1	41,000	15.4%	<a href="#">Link</a>
DCM	Phân bón	31.2	-3.7%	1.2	686	5.7	4,286	7.3	36,000	11.4%	<a href="#">Link</a>
GAS	Dầu khí	77.0	-2.5%	0.7	7,329	2.0	5,567	13.8	110,500	2.9%	<a href="#">Link</a>
PLX	Dầu khí	33.7	-1.0%	1.0	1,774	1.2	2,125	15.9	45,000	17.3%	<a href="#">Link</a>
PVS	Dầu khí	36.5	-4.9%	1.2	723	12.7	1,953	18.7	38,500	20.3%	<a href="#">Link</a>
PVD	Dầu khí	26.6	-4.0%	1.3	613	7.7	449	59.2	29,000	21.3%	<a href="#">Link</a>
POW	Tiện ích	11.4	-1.7%	0.8	1,111	2.7	602	19.0	14,500	6.2%	<a href="#">Link</a>
VNM	F&B	68.7	-1.0%	0.6	5,950	4.6	3,935	17.5	81,700	54.4%	<a href="#">Link</a>
MSN	F&B	63.3	-2.5%	1.4	3,754	4.2	916	69.1	27,700	30.5%	<a href="#">Link</a>
MWG	Bán lẻ	37.3	-6.3%	1.6	2,261	12.5	1,069	34.9	63,800	49.0%	<a href="#">Link</a>
PNJ	Bán lẻ	80.8	-0.5%	0.7	1,098	4.0	5,503	14.7	83,500	49.0%	<a href="#">Link</a>
VHC	Thủy sản	69.5	-2.1%	0.8	539	2.3	7,080	9.8	90,900	32.1%	<a href="#">Link</a>
GMD	Logistics	69.7	-1.0%	0.6	884	2.5	7,470	9.3	57,000	47.0%	<a href="#">Link</a>
FPT	Công nghệ	90.8	-2.4%	0.7	4,779	8.1	4,573	19.9	108,000	49.0%	<a href="#">Link</a>

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



## Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	29.2	-1.40%	0.9	5,816	2.3	3,664	8.0	1.2	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	22.2	-2.2%	0.9	3,573	4.8	3,722	6.0	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	18.0	-3.0%	0.8	2,164	5.4	2,765	6.5	1.4	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	15.0	-2.9%	0.8	1,590	1.6	1,410	10.6	1.5	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	18.8	-2.1%	1.3	1,976	2.0	3,534	5.3	1.4	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	20.6	-5.9%	1.9	1,040	39.2	467	44.1	1.7	23.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	17.0	-0.6%	1.1	1,551	4.9	2,697	6.3	1.2	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	30.9	-6.1%	1.4	1,920	34.7	1,090	28.4	2.1	46.1%	9.0%
CII	Xây dựng	16.8	-5.6%	1.9	222	8.4	318	52.9	6.8	8.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	11.5	-3.4%	1.7	0	1.1	445	25.8	1.1	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	61.4	-7.0%	1.5	252	5.4	681	90.1	0.7	43.5%	0.8%
HHV	Xây dựng	14.6	-6.4%	1.4	199	6.6	919	15.9	0.6	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	11.9	-4.4%	2.0	94	3.2	482	24.7	0.9	3.1%	3.8%
BCM	KCN	58.9	-1.7%	0.7	2,526	0.9	418	140.9	3.5	2.7%	1.7%
HUT	KCN	20.0	-5.2%	1.3	740	8.6	56	354.0	4.9	2.0%	1.3%
PHR	KCN	46.8	-0.7%	1.2	263	0.6	6,568	7.1	1.8	15.4%	26.9%
SZC	KCN	40.4	-6.9%	1.6	201	4.0	1,405	28.8	3.0	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	20.5	-6.8%	1.9	523	16.2	(2,105)	-9.7	1.2	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	11.9	-1.2%	1.3	188	0.1	176	67.6	0.9	3.6%	1.3%
NKG	Vật liệu	21.2	-6.8%	2.0	231	15.5	(2,655)	-8.0	1.1	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	57.5	-1.7%	0.7	160	0.5	5,309	10.8	1.4	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	25.0	-6.9%	1.7	79	2.1	1,482	16.8	1.0	3.0%	5.8%
NVL	BDS	17.0	-2.0%	1.9	1,374	41.7	(295)	-57.5	0.8	3.8%	1.9%
DXG	BDS	19.8	-6.8%	2.6	499	18.1	(317)	-62.3	0.9	18.5%	3.4%
HDC	BDS	33.9	-6.9%	1.5	190	7.2	2,190	15.5	2.5	2.0%	16.9%
DIG	BDS	24.8	-7.0%	2.4	626	38.5	152	162.6	2.0	5.6%	1.1%
IJC	BDS	13.6	-2.5%	1.7	142	1.3	1,597	8.5	0.9	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	18.8	-2.1%	1.5	0	10.4	1,596	11.8	1.1	0.4%	9.7%
PVT	Dầu khí	24.9	-2.7%	0.7	334	7.1	2,993	8.3	1.0	13.5%	16.4%
PLC	Vật liệu	30.3	-1.3%	1.3	102	0.3	1,353	22.4	1.9	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	23.0	0.0%	0.8	114	0.3	1,980	11.6	1.6	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	57.5	0.0%	0.7	974	0.5	6,445	8.9	1.2	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	21.6	-6.9%	1.7	760	24.3	384	56.1	0.9	11.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	24.6	-1.6%	0.6	293	0.4	2,560	9.6	1.5	15.3%	16.2%
HDG	Bất động sản	28.2	0.0%	1.5	357	4.6	2,739	10.3	1.3	23.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	26.0	-3.2%	1.5	335	2.6	944	27.5	1.3	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.5	1.9%	0.7	191	0.5	636	21.2	0.8	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	8.4	-5.6%	2.5	186	4.8	(79)	-106.9	0.3	2.0%	0.3%
SAB	F&B	60.4	-4.9%	0.5	3,210	1.5	3,518	17.2	3.1	62.3%	18.7%
QNS	F&B	45.6	-1.5%	0.5	0	1.3	4,965	9.2	2.1	16.2%	24.3%
FRT	Bán lẻ	99.9	-1.8%	1.0	564	1.3	(327)	-305.2	8.5	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	49.5	-6.6%	2.0	343	3.3	2,984	16.6	3.7	23.6%	21.9%
DBC	F&B	24.0	0.0%	1.8	241	12.4	551	43.6	1.2	5.9%	2.9%
PET	Bán lẻ	24.2	-4.2%	2.2	107	0.4	837	28.9	1.3	1.4%	5.7%
BAF	F&B	25.8	-0.6%	0.4	153	5.5	1,225	21.0	2.1	0.1%	10.2%
ANV	Thủy sản	30.0	-3.2%	1.5	166	2.9	2,162	13.9	1.5	3.9%	10.0%
VSC	Logistics	27.7	-6.9%	0.6	153	1.2	1,370	20.2	1.2	3.2%	7.9%
HAH	Logistics	33.5	-5.1%	1.0	146	4.4	5,742	5.8	1.2	4.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	83.6	-5.1%	1.1	396	1.3	4,238	19.7	5.8	9.7%	32.1%
TNG	Đệt may	18.5	-4.1%	1.1	87	1.4	2,353	7.9	1.4	21.5%	17.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

## Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		<a href="#">Click</a>
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	<a href="#">Click</a>
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	<a href="#">Click</a>
4	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		<a href="#">Click</a>
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		<a href="#">Click</a>
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		<a href="#">Click</a>
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		<a href="#">Click</a>
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		<a href="#">Click</a>
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		<a href="#">Click</a>
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		<a href="#">Click</a>
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		<a href="#">Click</a>
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		<a href="#">Click</a>
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		<a href="#">Click</a>
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		<a href="#">Click</a>

## Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

### BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

### BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

### Đối với Phân tích Nghiên cứu

#### Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn  
(+84) 39352722 - Ext 108

### Đối với Khách hàng tổ chức

#### Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn  
(+84)2439264659

### Đối với Khách hàng cá nhân

#### Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn  
(+84)2437173639